

- 1** Phân tích cách lên idea & chống bí ý khi phát triển bài
- 2** Xử lý khó khăn paraphrasing & vocabulary theo topics
- 3** Chấm điểm chi tiết của ex-examiner

Xuất bản bởi  **IELTS 1984**

NHỮNG CHỦ ĐỀ VỀ GIA ĐÌNH

family



PEOPLE RELOCATING FOR WORK

Do the advantages outweigh
the disadvantages?

ELDERLY PEOPLE ARE LONELY AND LACK FITNESS

Causes and solutions

FOCUS ON FAMILY HISTORY or PRESENT AND FUTURE GENERATIONS

Discuss both views ?

LỜI TỰA

March

Chào mừng bạn đến Tạp chí IELTS Insights VOL.08, số tháng 03/2024. **Không chỉ là bài mẫu, đây là tạp chí ĐẦU TIÊN giải đề thi thật hàng tháng chi tiết từ số 0** được biên soạn bởi đội ngũ học thuật của trung tâm IELTS 1984. Hiện tạp chí đã xuất bạn được 8 số, để đọc thêm nhiều bài giải đề, bạn có thể ghé đọc và tải tạp chí các số tại website IELTS 1984: <https://ielts1984.vn/ielts-insights/>

1. IELTS Insights - Giúp hiểu kì thi IELTS một cách bản chất, dễ hiểu

Cộng đồng học IELTS có vô vàn bài mẫu, tài liệu giải đề thi miễn phí, tuy nhiên để chọn lọc được tài liệu chất lượng và phù hợp thì không hề dễ dàng. Vì vậy, **lý do IELTS 1984 cho ra đời tạp chí IELTS Insights** là mang đến người học một góc nhìn **bản chất**, đơn giản và cực kì dễ hiểu về kì thi IELTS. Với phần đông học sinh, các bạn thường đặt mục tiêu quanh mức 6.0-7.0, và đây là một mục tiêu hoàn toàn khả thi với phần lớn các bạn, nếu mình học đúng phương pháp và thực sự quyết tâm. Chúng mình rất mong muốn IELTS Insights sẽ là người bạn hữu ích, luôn đồng hành cùng mọi người trên hành trình này.

2. IELTS Insights - Giúp hiểu kì thi IELTS một cách bản chất, dễ hiểu

Một điểm khác biệt nổi bật của IELTS Insights mà đội ngũ IELTS 1984 hướng đến, là **sự chi tiết và toàn diện** trong việc phân tích đề thi thực tế **hàng tháng**.

Với mỗi ấn bản của tạp chí, chúng mình sẽ đi sâu vào các đề thi IELTS vừa mới diễn ra trong tháng trước đó, giải thích chi tiết về cách cách lên idea, cách phát triển ý, gom data cho từng body, paraphrasing... Sau đó, chúng mình sẽ cùng viết một bài sample dựa trên insights cụ thể đã phân tích. Hơn nữa, một số bài cũng sẽ được gửi cho **ex-examiner** chấm, và chúng mình để ở phía cuối tạp chí nha.

Chúng mình luôn nỗ lực để có thể phát triển tạp chí IELTS Insights ngày càng tốt hơn. Nếu bạn có ý kiến đóng góp, hãy giúp chúng mình **inbox vào Zalo OA IELTS 1984** nhen:

<https://zalo.me/ielts1984>



IELTS Insights là một dự án cộng đồng của IELTS 1984 và chúng mình chia sẻ hoàn toàn miễn phí để càng nhiều bạn có thể tiếp cận với tài liệu học IELTS chất lượng. Nếu bạn thấy tài liệu hay và hữu ích, bạn giúp chúng mình chia sẻ cho bạn bè mình cùng học và lan toả đến nhiều bạn đang học IELTS khác nhen. Hi vọng cuốn tạp chí này sẽ là người bạn đồng hành tin cậy cùng mọi người trong quá trình ôn tập nha.



MỤC LỤC

Tám Bốn sharing	4
Bản tin	6
Humans of IELTS Insights	7
Task 1 Thi ngày 03/02/2024	8
Task 1 Thi ngày 03/02/2024 (2)	10
Task 1 Thi ngày 04/02/2024	12
Task 2 Thi ngày 03/02/2024	14
Task 2 Thi ngày 01/02/2024	16
Task 2 Thi ngày 21/01/2024	18
Comment chi tiết của ex-examiner	20

Tám Bốn Sharing

CÁCH NÀO TÌM RA ĐAM MÊ

Đây chắc là trần trở lớn nhất của mọi người khi đi làm, làm sao để 'tìm thấy' đam mê, để **yêu công việc** của mình. Với riêng bản thân mình, sau nhiều năm 'tìm kiếm' thì cuối cùng đã 'tìm thấy' việc dạy và rất yêu nó, mình cùng anh em ở Tám Bốn làm việc miệt mài không thấy mệt, và đã có rất nhiều bạn thắc mắc **'tại sao mình lại mê việc dạy đến vậy?'**, bí mật là gì?

Mình đã cố gắng tìm kiếm bí mật của sự đam mê trong suốt những năm tuổi 20, cả chục năm đọc rất nhiều sách self-help, xem không biết bao nhiêu video Ted Talks, gặp đủ các kiểu người để xin lời khuyên về 'tìm kiếm' đam mê. Nhưng rồi mãi sau này mới hiểu **đam mê thực chất nó rất đơn giản**, chỉ là mình đã 'tìm kiếm' nó sai cách.

Trong tất cả nỗ lực 'tìm kiếm đam mê' của mình ở trên: đọc sách, xem Ted Talks, gặp gỡ nói chuyện, mọi người có thấy thiếu một cái quan trọng không? Đó là **'THỰC SỰ LÀM VIỆC'**, mình đã không thực sự làm việc gì nghiêm túc cả, mình chỉ 'suy nghĩ', chứ mình không có 'tập trung 110% để làm việc'. Đây là sai lầm lớn nhất.

Sau khi mình xây dựng được sự yêu thích với nghề dạy, mình mới hiểu ra là đam mê không phải được 'tìm thấy', nó được **'xây dựng'** nên. Ví dụ cụ thể với nghề dạy, ngay từ đầu mình không hề đam mê nó, nó chỉ là một công việc mình nghĩ có thể phù hợp với tính cách của mình thôi. Nhưng do mình muốn làm tốt, nên mình đã chuẩn bị bài kỹ, và khi



mình dạy học sinh hiểu bài, các bạn trở nên happy và có bạn nhắn cảm ơn mình vì giúp bạn giỏi lên. Và chính những tin nhắn ấy là những thành tích nho nhỏ làm cho mình thích nghề dạy hơn, rồi mình lại chuẩn bị bài kỹ hơn, và rồi các bạn giỏi lên hẳn, có bạn đi thi có điểm tốt, và những thành tựu đó nó dần dần quay lại xây dựng 'đam mê' của mình với nghề dạy.

Mình nhận ra chuyện yêu việc dạy được xây đắp từ từ lên, từ những 'thành tựu' nhỏ khi làm việc, **mỗi một tin nhắn, một lời review cảm ơn, một bức thư tay học trò viết**, nó chính là **viên gạch xây nên sự yêu nghề**. Vậy nên ngay từ đầu, lớp đầu tiên mình dạy mà nó 'tệ' thì sao? Mình thực sự nghĩ, nếu những lớp đầu tiên mà tệ thì có lẽ mình đã bỏ nghề, không yêu nghề như bây giờ rồi, vậy nên 'tìm ra' đam mê nhiều khi cũng do may mắn nữa.

Mình ngẫm lại thì cách nhìn này nó giải thích được tại sao mình không yêu nghề 'tài chính ngân hàng', dù trước khi đi dạy mình đã dành cực kỳ nhiều thời gian cho nó. Vì mình nghề tài chính với 1/2 cái đầu ah, không tập trung, nên



Tám Bốn Sharing

làm gì cũng dở làm gì cũng sai, nên mình không có viên gạch 'thành tích' để xây lên con đường đến với sự yêu nghề. Mình nghĩ việc này cũng đúng với tình yêu, không mấy ai 'love at first sight' mà ban đầu chỉ là cảm giác 'thích thích, hợp hợp', rồi 2 người mình cùng nhau xây lên nó, trải qua khó khăn cùng nhau, chăm sóc nhau, dần dần mình **'xây dựng'** lên tình yêu **chứ không phải 'tìm ra'** nó.

Sau tất cả, mình thấy thì **'hành động', 'tập trung làm việc'** mới mang đến cái gì tình yêu thực sự, trong công việc cũng như trong cuộc sống.

Bài viết của thầy Nguyễn, giáo viên tại IELTS 1984

#IELTS1984 #TamBonSharing



[https://ielts1984.vn/tong-quan-ve-ielts/ chia-se-trai-nghiem](https://ielts1984.vn/tong-quan-ve-ielts chia-se-trai-nghiem)

Quét mã QR code để xem thêm
những bài chia sẻ khác của Tám Bốn



Bảng vàng Truyền cảm hứng



Phạm Nguyễn Minh Châu

📍 Trường Đại học Sài Gòn

🎓 Học viên lớp BLOOM 06.2022 ONLINE

“...Với mình, cách xây dựng bài của 1984 làm những bài task 1 logic, và đơn giản hơn nhiều. Các bạn có thể tìm đọc Journal hàng tháng của 1984 để hiểu tư duy đi bài nha.Khi ôn, mình không ráng nhồi nhét từ vựng cao siêu, hay grammar phức tạp gì, mình quan trọng độ mạch lạc và ráng không sai ngữ pháp. Đây cũng là điều được nhấn mạnh khi mình học với 1984...”

Bạn đọc thêm chia sẻ về quá trình học, kinh nghiệm ôn thi của Minh Châu và các học viên của Tám Bốn tại đây nhé: <https://ielts1984.vn/review/>

CẬP NHẬT LỊCH KHAI GIẢNG Đợt tháng 3/2024

LỊCH KHAI GIẢNG THÁNG 3.2024

	Thời lượng	Khai giảng	Lịch học	Học phí	Mã lớp
OFFLINE					
ROOT (Pre - IELTS)	9 Tuần - 52h	12/03	Chiều 3.5.7; 17:45	7.500.000	RT 03.24 OF C
TRUNK (IELTS Foundation)	9 Tuần - 52h	11/03 05/03	Chiều 2.4.6; 17:45 Chiều 3.5.7; 17:45	7.800.000	TR 03.24 OF C TR 03.24 OF B
BUD (Đầu ra 6.0 - 6.5)	9 Tuần - 54h	06/03 05/03	Chiều 3.5.7; 17:45 Tối 3.5.7; 20:00	8.200.000	BU 03.24 OF A BU 03.24 OF B BU 03.24 OF C
BLOOM (Đầu ra 6.5 - 7.0+)	10 Tuần - 60h	05/03	Chiều 3.5.7; 17:45	9.200.000	BL 03.24 OF A
ONLINE Qua Google meet					
ROOT (Pre - IELTS)	9 Tuần - 52h	05/03	Tối 3.5.7; 20:00	7.100.000	RT 03.24 ON A
TRUNK (IELTS Foundation)	9 Tuần - 52h	04/03	Chiều 2.4.6; 17:45	7.300.000	TR 03.24 ON A
BUD (Đầu ra 6.0 - 6.5)	9 Tuần - 54h	05/03 25/03	Chiều 3.5.7; 17:45 Tối 2.4.6; 20:00	7.600.000	BU 03.24 ON B BU 03.24 ON D
BLOOM (Đầu ra 6.5 - 7.0+)	10 Tuần - 60h	05/03 25/03	Chiều 3.5.7; 17:45 Tối 2.4.6; 20:00	8.700.000	BL 03.24 ON B BL 03.24 ON D

LIÊN HỆ

Chính sách

- Ưu đãi:** Giảm kỳ nhóm 2 người cùng đợt **giảm 200.000/người**
- Lớp học quy mô nhỏ (10 - 14 bạn), giáo viên chăm bài và theo sát quá trình học của mỗi bạn, không bỏ sót bất cứ bạn nào trong lớp.
- Hoàn tiền 90% học phí gốc trong vòng 2 buổi đầu nếu không hài lòng - Học lại miễn phí theo chính sách*
- Kỹ năng Speaking có trợ giảng hỗ trợ quá trình luyện tập tại lớp, các bạn sẽ được luyện tập nhiều và có thêm bài tập ghi âm ở nhà được chấm chi tiết.
- Nền tảng công nghệ tự học giao tiếp giống kỳ thi thật, hướng dẫn đáp án chi tiết.

Humans of IELTS Insights

Xin chào

Người bạn chăm chỉ

Chúng mình là **đội ngũ học thuật của IELTS 1984** (gọi thân thương là Tám Bốn). Đầu tiên, chúng mình cảm ơn bạn vì đã dành ra ít phút đọc bài viết này, để Tám Bốn có thể dùng vẻ đẹp “nhan sắc” cảm mến bạn trước khi dùng vẻ đẹp “trí tuệ” cho phần nội dung sau của tạp chí >.<

Là một đội ngũ yêu tha thiết việc dạy học và giúp học viên giỏi lên, chúng mình rất trăn trở khi thấy các bạn tự học IELTS hoang mang và bị **"lạc"** bởi **vô số bài mẫu** trên thị trường. Đó là động lực lớn nhất để IELTS 1984 xuất bản tạp chí giải đề thi chi tiết hàng tháng và hoàn toàn miễn phí.



**IELTS
INSIGHTS**

ĐỘI NGŨ SẢN XUẤT

Đội ngũ sản xuất của chúng mình gồm có: team học thuật 7/13 giáo viên IELTS 8.5 - 9.0, bạn Tim - cố vấn học thuật người Mỹ và thầy Tony Grace - cựu giám khảo IDP.

Ở các số tiếp theo, chúng mình sẽ kể những câu chuyện thú vị về từng người trong đội ngũ cũng những câu chuyện trong quá trình sản xuất tạp chí. Nếu bạn quan tâm hãy đón đọc tạp chí sớm nhất vào **ngày 1 hàng tháng** tại **Fanpage IELTS Insights - Giải chi tiết đề thi cùng IELTS 1984** nhen.

Task 1

(Thi ngày 03/02/2024)

The line graph shows the percentages of Australian exports with four countries. Summarize the information by selecting and reporting the main features and make comparisons where relevant.

DISCUSSION

1 Idea cho overview

Vẫn như thường lệ, mình sẽ tìm thông tin chính theo **trend** và các đường nằm **cao/ thấp nhất**, ở đề này mình còn có thể đưa thông tin "line nào thay đổi nhiều nhất" nữa.

A. Trend: Mình thấy tỉ lệ xuất khẩu của Australia đến China và India tăng, còn với Japan và the US thì ngược lại.

B. Về lớn nhất, nhỏ nhất: trong bài này, thông tin về line luôn cao hoặc thấp nhất không quá tiêu biểu, nên mình chỉ cần nói số liệu của China tăng **rất mạnh**, khiến đất nước này vượt các quốc gia khác và trở thành đối tác xuất khẩu hàng đầu của Úc.

2 Cách phân 2 body

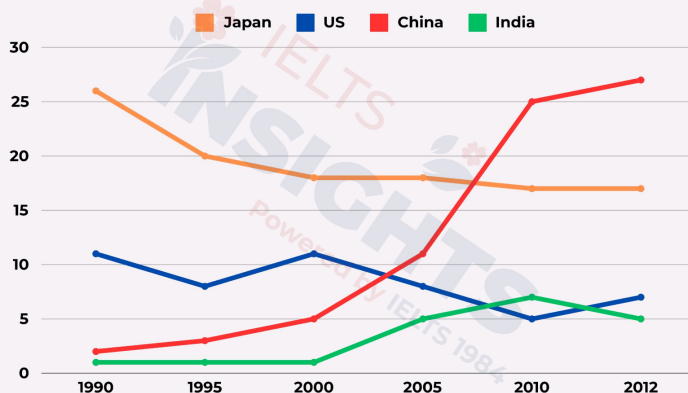
Với bài line thì chúng mình có thể phân body **theo năm**, hoặc phân **theo line** đều được nhé mọi người. Tuy nhiên, khi dạy ở trung tâm IELTS 1984 và cả khi biên soạn tạp chí IELTS Insights, chúng mình đều chọn 1 cách tiếp cận **nhất quán**, đó là **phân body theo line** nhen.

Ở đây có 2 nhóm là 2 line tăng (China và India), và 2 line giảm (the US và Japan). Ở nhóm đầu tiên mình sẽ nhấn mạnh vào thông tin tăng mạnh của China.

3 Cách lần lượt tả từng câu

Với bài line thì cách tả thường rất đơn giản, mình sẽ so sánh dữ liệu năm đầu của các line trong body đó, sau đó diễn tả về các trends tăng giảm ở số liệu các line và đưa ra số liệu năm cuối của các line đó. Cũng như đã đề cập ở các số IELTS Insights trước đó, dữ liệu **năm đầu** và **năm cuối** là rất quan trọng nhé mọi người.

Australian exports to 4 countries



Body 1: (Câu 1) Vào năm đầu tiên, số liệu của **India** và **China** nằm trong nhóm thấp nhất (1% và 2%) => **(Câu 2)** Tả thời gian còn lại của line **China**: tăng đến 5% vào năm 2000 và sau đó tăng gấp 5 lần lên 27% vào năm cuối => **(Câu 3)** Line **India**: số liệu của India cũng tăng lên 7% ở năm 2010 và giảm nhẹ xuống 5% vào năm cuối.

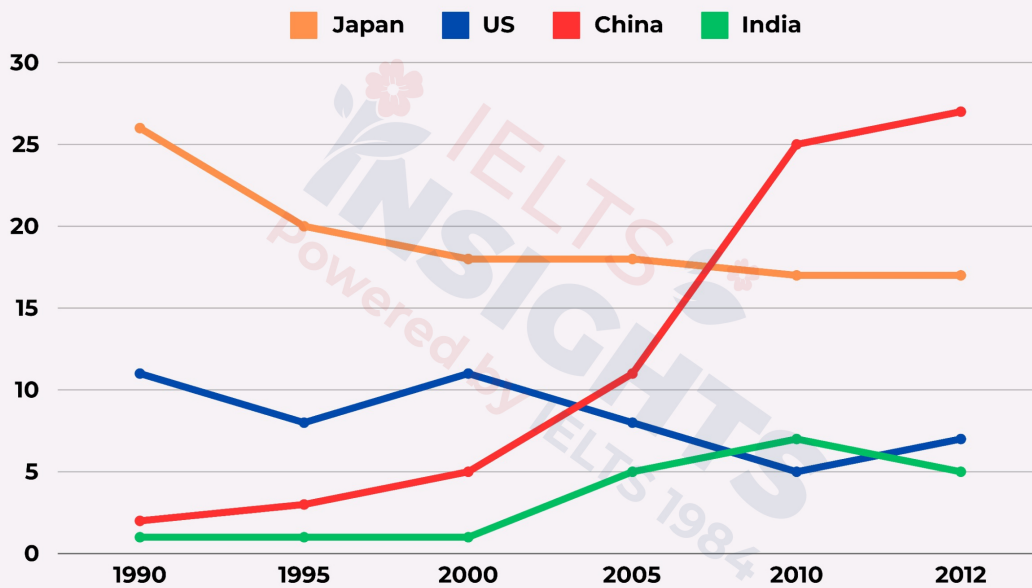
Body 2: (Câu 1) Vào năm đầu tiên, số liệu của **Japan** là cao nhất (25%), gấp đôi số liệu của **US** (11%) => **(Câu 2)** Line **Japan**: giảm xuống 17% và không thay đổi trong 2 năm cuối. => **(Câu 3)** Line **US**: giảm và chạm đáy 5% vào 2010, sau đó tăng lại ở mức 7% ở năm cuối.

4 Paraphrasing

Bài này đang đề cập về tỉ lệ xuất khẩu, vậy nên khả năng cao chúng ta sẽ **lặp** cụm từ "the percentage/ proportion of Australian exports to + country" khá nhiều, vậy nên khi đề cập đến **những quốc gia nổi bật (tỉ lệ nhập khẩu hàng hoá của Úc dẫn đầu hoặc thấp)**, chúng mình sẽ cố gắng dùng những cách diễn đạt khác để đa dạng về mặt ngôn ngữ hơn, ví dụ:

- **be the smallest/ largest export partner for Australia:** là đối tác xuất khẩu nhỏ/ lớn nhất của Úc
- **be the leading destination for Australian goods:** điểm đến hàng đầu của hàng hoá Úc
- **maintain a marginal presence in Australia's export market:** duy trì sự hiện diện khiêm tốn trên thị trường xuất khẩu Úc

Australian exports to 4 countries



The line graph shows the percentages of Australian exports with four countries. Summarize the information by selecting and reporting the main features and make comparisons where relevant.

SAMPLE

Note

vocabulary | paraphrasing

The line graph illustrates how Australia exported its products to four countries, including Japan, the US, China, and India, between 1990 and 2012.

Overall, there was an increase in the proportion of Australian exports to India and China, with the most dramatic rise being seen in the latter, making it the largest export destination for Australia by the end of the period. In contrast, exports to the US and Japan experienced a decrease over the given timeframe.

Looking at the chart in more detail, in 1990, among the four destinations, India and China **were the smallest export partners for Australia**, with negligible figures of 1% and 2%, respectively. Thereafter, China's importance significantly increased over the period, as the percentage of exports to this country steadily rose to 5% by 2000, before **surging more than fivefold** to 27% in the final year. Likewise, India **maintained a marginal presence in Australia's export market**, at just 1% for the first decade, after which its share slightly increased, reaching a peak of 7% in 2010, before falling back to 5% two years later.

With regard to the remaining countries, in the first year, Japan **was the leading destination shown for Australian goods**, with more than a quarter of total exports going there, twice the figure for the US, at 11%. In the following years, the figures for Japan fell to 17%, and stayed unchanged in the two final years. Similarly, the share of Australian exports to the US underwent a downward fluctuation throughout the period, **bottoming out** at 5% in 2010 before a modest recovery to 7% by the end of the period.

5 Vocabulary

- **chạm đáy (có dấu hiệu sẽ tăng lại sau đó):** bottom out
- **tăng lên gấp (số) lần:** [number]fold

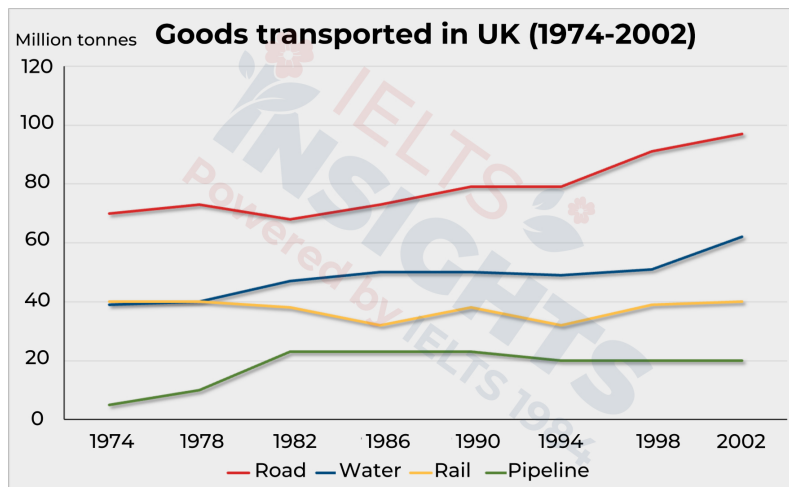
Ex: tăng gấp 5 lần: increase fivefold



Task 1

(Thi ngày 03/02/2024)

The graph below shows the quantities of goods transported in the UK between 1974 and 2002 by four different modes of transport. Summarize the information by selecting and reporting the main features and make comparisons where relevant.



DISCUSSION

1 Idea cho overview

Như những số IELTS Insights trước IELTS 1984 đã chia sẻ, đối với line chart, mình có tìm thông tin chính theo **trend** và **lớn nhất/ nhỏ nhất** nha:

A Trend: mình thấy rằng trừ "rail" thì cả 3 hạng mục còn lại nhìn chung đều tăng

B. Về lớn nhất, nhỏ nhất: xuyên suốt quãng thời gian trong bài, thì "road" luôn là cao nhất trong khi thì "pipeline" vẫn luôn là thấp nhất

2 Cách phân 2 body

Như đã đề cập ở những số IELTS Insights trước, đối với line chart, mình có thể phân **theo năm** hoặc **theo line**. Nhưng chúng mình thường không ưu tiên cách phân theo năm vì nó hơi "random", mỗi đề mỗi kiểu. Khi dạy ở trung tâm IELTS 1984, hay trong quá trình biên soạn IELTS Insights, chúng mình đều **ưu tiên phân body theo line**, để có một **cách tiếp cận nhất quán**, tạo thói quen phân tích chart **áp dụng cho tất cả các đề**.

Ở bài này mình có "Road" và "Pipeline" lần lượt là 2 category lớn nhất và nhỏ nhất nên mình sẽ gom vào body 1, body còn lại sẽ là "Water" và "Rail".

3 Cách lần lượt tả từng câu

Với bài line thì cách tả thường rất đơn giản, mình so sánh dữ liệu năm đầu của các line trong body đó, sau đó lần lượt tả thời gian còn lại của các line ra. Lưu ý là dữ liệu **năm đầu** và **năm cuối** là rất quan trọng, mình luôn luôn đưa vào khi tả nhé mọi người.

Body 1: (Câu 1) mình lần lượt **tả năm đầu của "Road" và "Pipeline"**. => **(Câu 2)** sau đó mình tả line "Road": tăng qua các năm, mặc dù có giảm nhẹ vào năm 1982, và đạt mức bao nhiêu vào **năm cuối**. => **(Câu 3)** Đối với "Pipeline", mình sẽ nói nó tăng gấp 4 lần vào năm 1982, sau đó bình ổn tại mức bao nhiêu vào **năm cuối**.

Body 2: (Câu 1) Mình cũng lần lượt **tả năm đầu của "Water" và "Rail"** là bằng nhau. => **(Câu 2)** Mình tả line "Water": tăng đến năm 1982, sau đó thì không thay đổi nhiều (**vì line không thẳng 100% nên các bạn nhớ thêm từ "relatively" nhé**) trước khi tăng đến mức bao nhiêu vào **năm cuối**. => **(Câu 3)** "Rail" giảm đến 1986, sau đó dao động vào những năm sau đó; trước khi tăng trở lại vào **năm cuối**, đạt mức ngang với số liệu ban đầu.

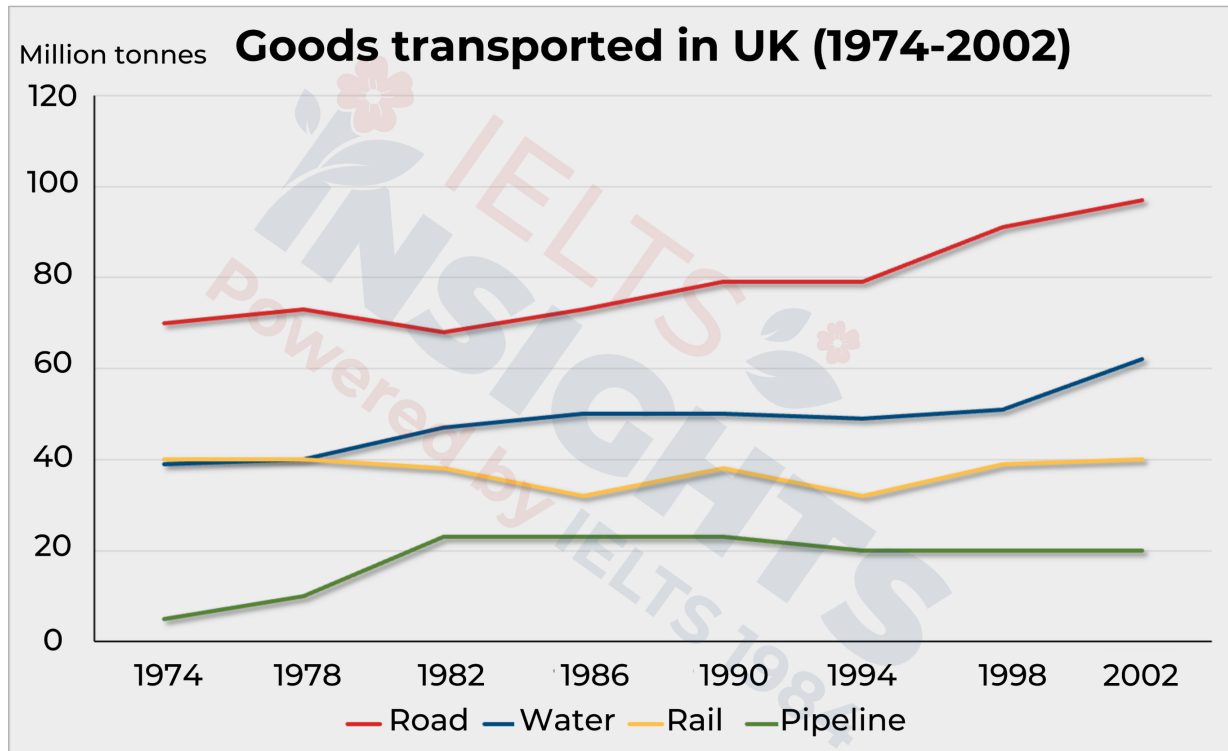
4 Paraphrasing

Trong bài này, chúng mình sẽ dùng cụm **"được vận chuyển/ vận chuyển"** rất nhiều, mình có thể diễn đạt ý này bằng các từ/ cụm từ như:

- move || transport || haul || facilitate/ allow the transport of ... || volume || quantity || amount

5 Vocabulary

- **tăng gấp 4 lần:** quadruple (v)
- **tăng trở lại sau khi giảm:** recover (v)



The graph below shows the quantities of goods transported in the UK between 1974 and 2002 by four different modes of transport. Summarize the information by selecting and reporting the main features and make comparisons where relevant.

SAMPLE

Note

vocabulary | paraphrasing

The graph provides information on the transport of goods via road, water, rail and pipeline in the UK from 1974 to 2002.

Overall, except for rail, all **modes of transport** saw **an increase in the volume of goods** over the period. In addition, road transport remained the predominant method for moving goods in the UK, while pipelines were used the least.

In 1974, roadways **facilitated the conveyance of** the most substantial amount of goods, at 70 million tonnes, compared to only 5 million tonnes sent through pipelines. In the subsequent years, the former's figures followed an overall upward trend, despite a slight drop between 1978 and 1982, reaching a peak of 95 million tonnes by 2002. In contrast, **the amount transported** by pipeline virtually **quadrupled, surpassing** 20 million by 1982, before stabilizing and ending up at exactly 20 million tonnes.

Regarding the remaining categories, in 1974, about 40 million tonnes of goods were sent by both waterways and railways, individually. Thereafter, **the quantity transported by** ship increased to approximately 50 million tonnes by 1982 and remained stable around that level for the subsequent 15 years, before rising to just over 60 million tonnes by 2002. Conversely, the amount of goods moved by train fell to 30 million tonnes by 1986, and then fluctuated in the following years, eventually **recovering** to approximately the same level by the end of the period.

Task 1

(Thi ngày 04/02/2024)

The following table shows the number of people from five European nations living in each other's countries in 2011. Summarize the information by selecting and reporting the main features and make comparisons where relevant.

DISCUSSION

1 Idea cho overview

Bài table này cung cấp rất (rất) nhiều số liệu, và điểm đặc biệt là table này lại mô tả số lượng **cư dân của 5 nước châu Âu sống ở các nước còn lại**, nên thoát nhìn chúng mình có thể thấy hơi "rối mắt".

+ Tuy nhiên, nếu nhìn số liệu **theo hàng ngang**, chúng mình sẽ thấy được, **Britain** và **Germany** là 2 nước có số lượng người nước ngoài tới sống **nhiều nhất**, trong khi **Poland** có số lượng người nước ngoài tới sống ít nhất.

+ Ngoài ra, nếu nhìn số liệu **theo hàng dọc**, chúng mình sẽ dễ dàng nhận ra, tổng số **người Polish** di cư sang các nước khác sống là **cao nhất**.

2 Cách phân body

Bài này khó nhất là có quá nhiều số liệu để tả và so sánh, nếu mình hơi overthinking thì khi viết sẽ dễ bị ôm đồm và viết bài bị rối, hoặc dễ bị thiếu số liệu. Do đó mình cần một **framework nhất quán** để xử lý bài một cách bình tĩnh và hiệu quả, đặc biệt với thời gian chỉ có khoảng 20 phút trong phòng thi. Đó cũng là tinh thần chung team học thuật của IELTS 1984 luôn đề cập đến trong chương trình Writing.

+ **Body 1: Lần lượt** mô tả và so sánh số liệu của 2 nước **Britain** và **Germany** (2 nơi được chọn nhiều nhất bởi người dân từ các nước còn lại để sinh sống).

+ **Body 2:** Lần lượt mô tả và so sánh các số liệu nổi bật của **3 nước còn lại** (Spain, Italy, Poland).

+ **Body 3:** Tả và so sánh về **tổng** lượng người dân từ 5 nước này di cư sang các nước còn lại để sinh sống.

The following table shows the number of people from five European nations living in each other's countries in 2011.

Where they live	Number of people living in each other's countries					Total
	British	German	Italian	Polish	Spanish	
Britain		297,000	119,000	550,000	71,000	1,037,000
Germany	104,000		556,000	426,000	112,000	1,198,000
Italy	29,000	42,000		106,000	19,000	196,000
Poland	760	4,400	670		170	6,000
Spain	391,000	196,000	188,000	86,000		861,000
Total	524,760	539,400	863,670	1,168,000	202,170	3,298,000

3 Cách lần lượt tả từng câu

Body 1: (Câu 1) Tả **tổng số** lượng người nhập cư vào hai nước được ưa thích nhất (**Germany** và **Britain**).=> **(Câu 2)** Số liệu người nhập cư ở **Germany**: người Italian và Polish chiếm phần đông.=> **(Câu 3)** Tả số liệu của người **British** và **Spanish** ở **Germany**.=> **(Câu 4)** Số liệu người nhập cư ở **Britain**: người Polish chiếm phần đông, gần gấp hai lần người German.=> **(Câu 5)** Ngược lại thì số lượng người Spanish và Italian ở Britain nhỏ hơn nhiều.

Body 2: (Câu 1) Tả **tổng số** lượng người nhập cư vào Spain đứng thứ 3, cao hơn 4 lần so với Italy.=> **(Câu 2)** Số liệu người nhập cư ở **Spain**: người British thích nhập cư vào đây nhất, gấp hai lần người German và Italian, trong khi lượng người Polish là thấp nhất.=> **(Câu 3)** Số liệu người nhập cư ở **Italy**: người Polish chiếm phần lớn nhất, cao hơn nhiều so với lượng người từ ba nước còn lại.=> **(Câu 4)** Tả số liệu tổng số người di cư đến **Poland**, trong đó chiếm tới hơn 2/3 là người German, theo sau là số lượng người British và Italian.

Body 3: (Câu 1) Tả **tổng số** người nhập cư ở 5 nước này, trong đó cao nhất là người **Polish** và theo sau là **Italian**.=> **(Câu 2)** Ngược lại thì số lượng người **Spanish** sống ở nước ngoài là thấp nhất.=> **(Câu 3)** Số lượng người dân **British** và **German** di cư là gần ngang nhau.

4 Paraphrasing

Đối với bài table này, "đáng sợ" nhất là làm sao paraphrase những danh từ riêng chỉ về các nước.

Những danh từ riêng chỉ **tên** nước, **tính từ** chỉ về nước đó, và **người dân** của nước đó thường rất dễ bị nhầm, vì mỗi nước lại mỗi kiểu khác nhau.



The following table shows the number of people from five European nations living in each other's countries in 2011.

Where they live	Number of people living in each other's countries					Total
	British	German	Italian	Polish	Spanish	
Britain		297,000	119,000	550,000	71,000	1,037,000
Germany	104,000		556,000	426,000	112,000	1,198,000
Italy	29,000	42,000		106,000	19,000	196,000
Poland	760	4,400	670		170	6,000
Spain	391,000	196,000	188,000	86,000		861,000
Total	524,760	539,400	863, 670	1,168,000	202,170	3,298, 000

The following table shows the number of people from five European nations living in each other's countries in 2011. Summarize the information by selecting and reporting the main features and make comparisons where relevant.



Paraphrasing

Chẳng hạn:

- Germany (nước Đức) vs. German (adj) vs. German (1 người Đức)
- nhưng: Poland (nước Ba Lan) vs. Polish (adj) vs. Pole (1 người Ba Lan)

Vậy nên nếu mình không chắc thì bạn không nên dùng nhé, mình có thể lặp từ một chút cũng được, thay vì dùng sai.

Trong bài này, để hạn chế lặp những cụm **adj + noun**, chẳng hạn như **British people /residents/ communities**, nếu từ vựng tốt thì mình có thể dùng danh từ chỉ người dân các nước đó để thay thế => **Britons | Germans | Italians | Poles | Spaniards**

Ngoài ra, mình có thể sử dụng thêm một số từ sau để paraphrase:

- **Người sống ở nước khác:** expatriate, immigrant
- **Sống ở nước khác:** reside in another nation, live abroad, live outside one's country

5 Vocabulary

- **be home to sb/sth:** là nơi sinh sống của ...
- **amount to sth:** cộng tổng lại là ...
- **predominant group:** nhóm chiếm phần lớn
- **outnumber sth (verb):** lớn hơn
- **constitute + noun:** cấu thành ...

SAMPLE

Note

vocabulary | paraphrasing

The table illustrates how many people from five different European countries resided in each other's nations in 2011.

Overall, Britain and Germany were the two most popular of the destinations given for expatriates. In addition, Poland attracted the fewest people from the other four countries, while, in contrast, the total number of its citizens living in the other nations was the highest.

Regarding the two most popular destinations, Germany was home to nearly 1.2 million expatriates, compared to over 1 million in Britain. In Germany, half of the immigrants were Italians, followed by Poles, with the respective figures of 556,000 and 426,000. Meanwhile, the number of British and Spanish residents **amounted to** slightly more than 100,000 each. In Britain, the Polish community was the largest immigrant group, numbering 550,000, nearly **twice** the size of the German community, at 297,000. In contrast, the figures for Spaniards and Italians residing there were significantly smaller, with populations ranging from 71,000 to 119,000.

As for the other destinations, Spain ranked third, welcoming 861,000 immigrants from the listed nations, four times higher than Italy's 196,000. Spain was the preferred country for British immigrants, with 391,000, nearly twice the numbers of Germans and Italians (around 200,000 each), while only 86,000 came from Poland. In Italy, Poles were the predominant group (106,000), far **outnumbering** the other three nationalities, whose figures ranged between 19,000 and 42,000. Finally, the total number of expatriates residing in Poland was only 6,000, among which, more than two-thirds were from Germany, followed by modest British and Italian communities of around 700 people each.

In total, there were 3.3 million expatriates from all five surveyed countries, with Poles constituting the largest group living abroad (1,168,000), followed by Italians, at 863,670. In contrast, the number of Spanish people opting to live outside their country was the lowest, at only 202,170. The figures for British citizens and Germans were **comparable to one another**, each exceeding 500,000.

Task 2

(Thi ngày 03/02/2024)

Nowadays, more people move away from their friends and families for work. Do advantages outweigh the disadvantages?

DISCUSSION

1 Idea & Cách lập luận

Đề bài đưa ra một xu hướng xã hội, đó là ngày nay nhiều người chọn xa gia đình và bạn bè để đến những nơi có công việc tốt hơn, vậy thì mặt lợi của xu hướng này có lớn hơn mặt hại hay không?

Đây là một chủ đề khá gần gũi với người trẻ hiện nay, nên mình sẽ dùng những idea theo **hướng của người Á Đông**, xoay quanh mối quan hệ gia đình - bản thân - xã hội.

=> **Quan điểm của đội ngũ học thuật IELTS 1984** là việc đi làm xa nhà sẽ **có nhiều cái lợi hơn cái hại**. Chúng mình sẽ lập luận cụ thể như sau:

+ **Body 1:** việc đi làm xa gia đình sẽ có thể có một số cái hại: **(1)** đi làm ở nơi khác khiến cho người trẻ phải sống xa cha mẹ, và **(2)** xa hơn nữa thì sẽ khiến cho quê hương của họ mất đi nguồn nhân lực.

+ **Body 2:** Thế nhưng việc rời xa vòng tay gia đình sẽ có nhiều cái lợi cho sự phát triển của các bạn trẻ: **(1)** giúp các bạn ấy tự do theo đuổi ước mơ, và **(2)** là cơ hội việc làm tốt, thậm chí là ở những đất nước khác.

2 Phát triển ý

+ **Body 1: cái hại của việc đi làm xa nhà**

(Câu 1) Topic sentence: đi làm xa nhà có 1 số cái hại nhất định.=> **(Câu 2) Cái hại 1:** việc này ảnh hưởng đến mối quan hệ gia đình.=> **(Câu 3) Lý do:** cuộc sống của mỗi người thường xoay quanh các mối quan hệ gia đình và bạn bè => đi làm xa sẽ làm họ nhớ nhà và không có mặt ở những dịp quan trọng, từ đó trở nên xa cách.=> **(Câu 4)** điều này đặc biệt đúng ở Châu Á, việc dành thời gian bên gia đình rất quan trọng.=> **(Câu 5) Cái hại 2:** việc nhiều người rời quê hương sẽ làm cho lượng nhân công ở các nơi đó bị thiếu hụt.=> **(Câu 6) Hệ quả:** việc tuyển dụng nhân lực trở nên khó khăn => sản xuất bị đình trệ => ảnh hưởng đến kinh tế của khu vực đó.



+ **Body 2: cái lợi của việc đi làm xa nhà**

(Câu 1) Topic sentence: cái lợi của việc rời gia đình đi làm xa lớn hơn cái hại => **(Câu 2) Cái lợi 1:** việc đi làm xa sẽ giúp cho các bạn trẻ có cơ hội theo đuổi ước mơ nhờ vào việc sống xa những người có tư tưởng cũ. => **(Câu 3) Ví dụ:** ở Châu Á, các bậc phụ huynh thường nhấn mạnh sự ổn định hơn là việc theo đuổi đam mê => làm ảnh hưởng đến sự phát triển tài năng của người trẻ. => **(Câu 4) Cái lợi 2:** cơ hội được làm việc ở nước ngoài, với mức lương cao hơn và làm được nhiều công việc mới. => **(Câu 5) Ví dụ:** các bạn làm ngành IT sẽ được phát triển rất nhiều nếu được làm cho các công ty công nghệ lớn ở Mỹ.

3 Paraphrasing

Cụm **“move away from their friends and families for work”** mình sẽ phải lặp lại nhiều trong bài, nên dưới đây có một vài cách diễn đạt có ý nghĩa tương tự, mình cũng có thể dùng để tránh lặp từ nhen các bạn:

- leave their homes
- relocating for work
- relocate to a new city or country

Task 2

(Thi ngày 03/02/2024)

Nowadays, more people move away from their friends and families for work. Do advantages outweigh the disadvantages?

4 Vocabulary

- **instability:** sự mất ổn định.
- **settling down:** bắt đầu cuộc sống ổn định.
- **career stability:** sự ổn định trong công việc.
- **suppressing one's talents:** ngăn chặn sự phát triển tài năng của ai đó.
- **migrating across the country:** dịch chuyển từ nơi này qua nơi khác, trong cùng một đất nước.
- **family members to drift apart:** các thành viên gia đình dần xa cách nhau.
- **in search of better job opportunities:** tìm cơ hội việc làm tốt hơn.

SAMPLE

Note

vocabulary | paraphrasing

It has become more common for people to **relocate to a new city or country for work**. Although this trend may present certain challenges, I believe the resultant benefits far outweigh them.

Admittedly, there may be some consequences when people **leave their homes** for a new place **in search of better job opportunities**. One of them is that **migrating across the country** may emotionally impact migrants and their loved ones. Since life is often centered around established social circles, including families and friends, moving to a new location can result in homesickness and a sense of missing out on important events, potentially causing **family members to drift apart** over time. This is especially true in Asia, where people often value quality time with their family over socializing with friends. On a societal level, moving away for work could potentially cause **instability** in the labor market in less developed regions. This is because it could be difficult for rural enterprises to find suitable candidates for their job vacancies, eventually compromising their productivity as well as the competitiveness of the local economy.

However, despite these disadvantages, the benefits of **relocating for work** are more significant. In terms of career prospects, **settling down** in a new environment could help migrants to have the opportunity to pursue their dreams, which would only be possible by moving away from narrow minded people in the countryside. For example, in Asia, parents and the elderly often emphasize **career stability** over pursuing one's passions, which leads to false expectations for their children's futures, thus **suppressing young people's talents**. Another benefit could be the opportunity to live in a foreign country, which, in addition to possible higher salaries, enables migrants to pursue jobs that may not be available in their home countries. A case in point is that IT workers stand to benefit greatly from working for major tech corporations in the US.

In conclusion, while I acknowledge that relocating for work may pose certain problems relating to migrants' feelings and the rural economy, I am convinced that the advantages in personal and professional growth are far more impactful.



Task 2

(Thi ngày 01/02/2024)

Experts say if the elderly spend time and get along with others and exercise every day, they will be healthier and happier. However, many elderly people are suffering from loneliness and lack of fitness. Discuss the causes and solutions?

DISCUSSION

1 Idea & Cách lập luận

Chủ đề về “người cao tuổi” thường không nhận được nhiều sự quan tâm của giới trẻ chúng mình. Tuy nhiên vậy, thế giới mình đang sống chính là do những “cựu thanh niên” dễ thương của tụi mình gây dựng lên. Đề bài cause & solutions lần này hỏi chúng mình **lý do** của **sự cô đơn và thiếu sức khỏe thể chất** mà họ gặp phải và có **giải pháp** gì để giúp họ giải quyết được vấn đề này.

Đối với đề này, mỗi body mình sẽ xử lý một yêu cầu của đề bài. Các bạn lưu ý để có nói là **causes** và **solutions**, nên mình cần đưa ra ít nhất 2 lý do và 2 giải pháp nhé. Đề này cũng hơi đặc biệt ở chỗ là có đề cập đến **2 vấn đề khác nhau**, do đó mình cũng sẽ đưa ra lý do và giải pháp cho từng vấn đề.

Đây là một chủ đề rất quen thuộc, chúng mình đều có thể dựa vào việc quan sát những người thân trong gia đình hoặc ở xung quanh để suy nghĩ các lý do:

LÝ DO:

(1) **Sự cô đơn** đến từ việc thiếu tương tác với những người xung quanh và **thiếu sự gắn gũi với con cái của mình**, do con cái trưởng thành thường ra riêng, sống xa bố mẹ.

(2) **Thiếu sức khỏe thể chất** là do **thiếu cơ sở vật chất phù hợp cho người cao tuổi**. Nếu tham gia tập luyện ở những nơi không phù hợp các cụ sẽ dễ bị chấn thương hơn, làm các cụ dè dặt hơn trong việc tham gia các hoạt động thể chất.

GIẢI PHÁP:

(1) Với nguyên nhân là **thiếu tương tác**, nhà nước sẽ cần trợ cấp cho **viện dưỡng lão hoặc trung tâm cộng đồng cho người lớn tuổi**, những nơi này sẽ thu hút các cụ cùng tham gia hoạt động, giao lưu cùng nhau.

(2) Với việc **thiếu cơ sở vật chất** để luyện tập, cần có sự đầu tư để có được cả **nơi tập an toàn** và **chương trình luyện tập** thiết kế riêng cho người lớn tuổi, với chi phí phải chăng và dễ tiếp cận.

2 Phát triển ý

+ Body 1: các lý do

(Câu 1) **Topic sentence:** Có nhiều yếu tố góp phần gây nên các vấn đề này.=> (Câu 2) **Lý do 1:** do lối sống hiện đại: con cái lớn thường sẽ ra riêng, để bố mẹ sống một mình.=> (Câu 3) **Hệ quả:** Không được sống gần gũi người thân làm mối quan hệ trong gia đình hơn xấu đi, dẫn đến việc bố mẹ già sẽ thấy tủi thân, cô đơn. => (Câu 4) **Lý do 2:** Vấn đề thiếu sức khỏe thể chất đến từ việc thiếu nơi chốn tập luyện phù hợp với người cao tuổi.=> (Câu 5) **Hệ quả:** người cao tuổi phải tập chung chỗ những người trẻ tuổi hơn => dễ bị chấn thương hơn => các cụ nhụt chí, không muốn tập luyện.

+ Body 2: các giải pháp

(Câu 1) **Topic sentence:** có những giải pháp có thể xử lý các vấn đề nêu trên.=> (Câu 2) **Giải pháp 1:** Để xử lý vấn đề cô đơn, chính phủ cần trợ cấp cho các trung tâm cộng đồng và nhà dưỡng lão.=> (Câu 3) **Hệ quả:** chương trình được thiết kế tốt hơn => người cao tuổi tham gia vào các hoạt động ý nghĩa và phù hợp với lứa tuổi, đem lại cho họ mục đích sống và niềm vui.=> (Câu 4) **Giải pháp 2:** Để các cụ tập thể dục, cần đầu tư cho cơ sở vật chất và chương trình được thiết kế riêng cho người cao tuổi.=> (Câu 5) Cách thực hiện: cần khối tư nhân và chính quyền địa phương tham gia cùng => để chi phí hợp lý và dễ tiếp cận hơn => khuyến khích các cụ đi tập.

3 Paraphrasing

Có lẽ từ gặp thường xuyên nhấn trong bài là **“người cao tuổi”**. Sẽ có lúc mình dùng pronoun **“they, them”**, nhưng ở những chỗ để rõ ý hơn, mình có thể dùng một vài cách diễn đạt sau các bạn nhé:

Task 2

(Thi ngày 01/02/2024)

Experts say if the elderly spend time and get along with others and exercise every day, they will be healthier and happier. However, many elderly people are suffering from loneliness and lack of fitness. Discuss the causes and solutions?



SAMPLE

Note

vocabulary | paraphrasing

4 Vocabulary

- **Synonyms (gần nghĩa):** Seniors (noun) || senior citizens || the elderly (community) || older generations || older adults || older individuals.
- **Expressions (diễn đạt khác):**
 - Retired parents
 - Older age groups

4 Vocabulary

- **Leave sb to fend for themselves:** để ai đó tự lo cho bản thân.
- **Put a strain on // strain the relationship:** gây áp lực lên mối quan hệ
- **Feel marginalized:** cảm giác bị gạt sang 1 bên (ra rìa)
- **Cater to sb / th:** phục vụ riêng cho ai / việc gì.
- **Subsidize sth:** trợ cấp cho việc gì
- **Age-appropriate (adj):** phù hợp với lứa tuổi.
- **A collective effort:** nỗ lực chung tay

Despite the majority of experts advising that regular physical activity and social interactions are beneficial to the **elderly**, many **senior citizens** experience a lack of both fitness and social engagement. This essay will examine the causes and propose solutions for this phenomenon.

There are several factors contributing to the issues of loneliness and insufficient physical activity among **the elderly community**. First, the former issue could result from the modern lifestyle, where young adults tend to move away and **leave their retired parents to fend for themselves**. Living apart from their loved ones can strain the relationship between family members, resulting in parents **feeling marginalized**. Regarding physical fitness, there could be problems stemming from insufficient sporting facilities appropriate for **older age groups**. In the absence of facilities catering specifically to their needs, older adults face a higher risk of getting injured when trying to keep up with younger people, which can discourage them from being active in the first place.

However, some measures can be taken to tackle these challenges facing **the elderly**. The most obvious solution would be for the government to **subsidize community centers** and nursing homes. More of these institutions, with better designed programs, could be more attractive to **seniors** and motivate them to engage in meaningful charity work or **age-appropriate** games, giving them a sense of purpose and a more enjoyable life. Moreover, to promote physical activity among **older adults**, the government should allocate financial resources to fitness programs and spaces tailored to **the elderly**. These efforts could involve partnerships with the private sector and local authorities to make such services more accessible and affordable, encouraging **seniors** to stay active in comfortable and age-appropriate environments.

In conclusion, despite the aforementioned societal and personal factors, these problems troubling **older generations** can be addressed by developing advanced and personalized caregiving systems. With quality services and personnel, which demand **a collective effort** from both the government and community resources, there is a clear path forward.

Task 2

(Thi ngày 21/01/2024)

In many parts of the world, people do research on their family history. Some people believe that finding out about previous generations is a useful thing to do. However, others believe that it is better to focus on present and future generations. Discuss both views and give your opinion.

DISCUSSION

1 Idea & Cách lập luận

Đây là một đề khá "lạ", và khó để có idea. Đề hỏi về việc mình nên đi **tìm hiểu về lịch sử của gia đình**, hay là nên **tập trung cho những thế hệ hiện tại và tương lai**. Đối với đề này, mình nên lưu ý từ **"family history"** nhé, vì mình có thể sẽ nhầm lẫn sang thành "history" nói chung.

Việc tìm hiểu về lịch sử gia đình có thể giúp người trẻ biết rõ được **mình là ai, và có thêm động lực** khi những người thân trong chính gia đình mình đã từng thành công. Chẳng hạn mình phát hiện ra mình là cháu 7 đời của một cụ Trạng Nguyên nào đó, thì mình sẽ rất tự hào, và cố gắng vượt qua khó khăn để học giỏi, thi IELTS điểm cao, đạt học bổng du học,...

=> Những ý này mình sẽ đề cập ở body 1, nhưng sẽ nói là "những người ủng hộ việc tìm hiểu về lịch sử gia đình" để đẩy về **ngôi thứ 3**, để làm rõ rằng "đây hông phải là ý của em".

Quan điểm của đội ngũ học thuật IELTS 1984 thiên về quan điểm thứ 2 hơn. Chúng mình chọn cách tiếp cận kiểu **"phản đề" (Dùng antithesis)** ở trong đoạn thân bài thứ 2, để nhấn mạnh việc tìm hiểu về lịch sử gia đình không hẳn là tạo động lực đâu, mà thậm chí nó còn tạo ra áp lực quá lớn cho giới trẻ. Nếu mình là cháu 7 đời của Trạng Nguyên thì sẽ rất áp lực khi những người xung quanh kỳ vọng là mình cũng phải giỏi như vậy để làm rạng danh dòng họ.

Sau đó mới đề cập đến lý do tại sao nên dồn lực cho thế hệ tương lai: việc này vừa giúp cho cả bản thân người trẻ lập thân lập nghiệp, và vừa giúp xã hội phát triển và xử lý các vấn đề nhức nhối hiện nay.

2 Phát triển ý

Ở body 1, mình chỉ có 1 idea duy nhất là biết được **identity** và **có motivation**, rất khó để viết được cả 1 đoạn văn mạch lạc với đúng 1 ý này.

+ Body 1:

Câu 1: (Topic sentence) Đưa lý do là việc tìm hiểu lịch sử gia đình giúp người trẻ định hình được danh tính, hiểu về nguồn cội và có động lực hơn. => **Câu 2: Ý ngược lại:** các bạn trẻ bây giờ tiếp xúc với quá nhiều thông tin và văn hoá, nên thường thấy áp lực và lạc lối. => **Câu 3: Tác động:** trong bối cảnh như vậy, những truyền thống và câu chuyện thành công trong gia đình sẽ giúp những bạn này thấy có điểm tựa hơn và được truyền cảm hứng hơn. => **Câu 4: Lý do:** Những câu chuyện trong gia đình thường mình thấy gần gũi hơn là mấy câu chuyện truyền cảm hứng ở đâu đó xa xôi.

+ Body 2:

Câu 1: (Topic sentence) tìm hiểu về lịch sử gia đình không còn phù hợp nữa, tập trung cho thế hệ tương lai quan trọng hơn. => **Câu 2-3: (phản đề)** quá tập trung vào quá khứ làm cản trở sự phát triển, gây áp lực, thậm chí là sự thất vọng nếu lịch sử gia đình không tốt đẹp gì lắm. => **Câu 4: (quan điểm)** Tập trung trang bị kiến thức và kỹ năng cho thế hệ trẻ quan trọng hơn. => **Câu 5: Tác động:** có giáo dục tốt hơn và công việc tốt hơn thì giúp thế hệ trẻ phát huy được hết tiềm năng, đồng thời giúp phát triển xã hội và giải quyết các vấn đề hiện nay.

3 Paraphrasing

Trong bài này mình sẽ cần paraphrase 2 cụm từ trong đề bài là **"do research on family history"** và **"focus on present and future generations"** khá nhiều, dưới đây là một số cụm có ý nghĩa tương đương để đa dạng thêm về ngôn ngữ. Bạn lưu ý đây không phải là những từ đồng nghĩa và việc sử dụng cần phù hợp với ngữ nghĩa của từng câu nhé.

• do research on family history:

- researching one's ancestry
- delving into family history
- revisiting family traditions
- understanding one's roots

• focus on present and future generations

- upcoming generations
- living in the present and preparing for what is yet to come
- preparing present generations for the future
- a vision spanning into the future

Task 2

(Thi ngày 21/02/2024)

In many parts of the world, people do research on their family history. Some people believe that finding out about previous generations is a useful thing to do. However, others believe that it is better to focus on present and future generations. Discuss both views and give your opinion.

4 Vocabulary

- **shape an individual's identity:** định hình danh tính cá nhân
- **hardships (of one's forefathers):** những khó khăn gian khổ của cha ông
- **a sense of belonging:** cảm giác thuộc về, gắn bó với thứ gì đó (không thấy bơ vơ lạc lõng)
- **relatable (adj):** có sự thân thuộc, gần gũi
- **hinder progress:** cản trở sự phát triển
- **fully realize one's potential:** phát huy hết tiềm năng của bản thân ai đó

SAMPLE

Note

vocabulary | paraphrasing

Opinions are divided on whether **researching one's ancestry** is beneficial, or whether one's focus should be on current and **upcoming generations**. Although there are valid arguments in favor of the former opinion, I believe that **living in the present and preparing for what is yet to come** is more crucial.

Proponents of **delving into family history** would argue that such exploration helps **shape an individual's identity**, which fosters a deeper connection to one's ancestral roots and can even act as a motivational force for current family members. Contemporary generations, with greater exposure to vast amounts of information and diverse cultures, often find themselves overwhelmed, uncertain of who they are, and lacking self esteem. In these situations, **revisiting family traditions**, and the **hardships** and achievements of one's forefathers, can cultivate **a strong sense of belonging** and serve as a source of inspiration for young people. These success stories are more **relatable** than cliché life lessons found elsewhere, aiding them in better navigating today's world.

However, I am of the opinion that this viewpoint is less relevant in the modern context, where **preparing present generations for the future** is more important. An excessive focus on the past can potentially **hinder progress**, because past successes may put further undue pressure on young people to live up to those standards. In some cases, the looking into family history might even uncover unfavourable events, causing disappointment and distress. Instead, time and resources would be better spent equipping the youth with knowledge and skills for the future. That is to say, concentrating on the present allows successive generations to **fully realize their potential** through education and career planning, while **a vision spanning into the future** contributes to long-term success and addressing contemporary challenges, like climate change and social inequality.

In conclusion, although **understanding one's roots** has its merits, I believe focusing too heavily on the past can have adverse effects. Directing our focus towards enhancing the lives of present and future generations is more crucial due to its substantial benefits for both individuals and society.





OVERALL BAND SCORE **8.5** **8+9+8+9**

[SEE BELOW C&C LR GRA](#) [MODEL ANSWER](#)

WRITING TASK 2

Write about the following topic:

Experts say if the elderly spend time and get along with others and exercise every day, they will be healthier and happier. However, many elderly people are suffering from loneliness and lack of fitness.

Discuss the causes and solutions?

Give reasons for your answer and include any relevant examples from your own knowledge or experience.

Write at least 250 words.

**Original answer -**

Despite the majority of experts advising that regular physical activity and social interactions are beneficial to the elderly, many senior citizens experience a lack of both fitness and social engagement. This essay will examine the causes and propose solutions for this phenomenon.

There are several factors contributing to the issues of loneliness and insufficient physical activity among the elderly community. First, the former issue could result from the modern lifestyle, where young adults tend to move away and leave their retired parents to fend for themselves. Living apart from their loved ones can strain the relationship between family members, resulting in parents feeling marginalized. Regarding physical fitness, there could be problems stemming from insufficient sporting facilities appropriate for older age groups. In the absence of facilities catering specifically to their needs, older adults face a higher risk of getting injured when trying to keep up with younger people, which can discourage them from being active in the first place.

However, some measures can be taken to tackle these challenges facing the elderly. The most obvious solution would be for the government to subsidize community centers and nursing homes. More of these institutions, with better designed programs, could be more attractive to seniors and motivate them to engage in meaningful charity work or age-appropriate games, giving them a sense of purpose and a more enjoyable life. Moreover, to promote physical activity among older adults, the government should allocate financial resources to fitness programs and spaces tailored to the elderly. These efforts could involve partnerships with the private sector and local authorities to make such services more accessible and affordable, encouraging seniors to stay active in comfortable and age-appropriate environments.

In conclusion, despite the aforementioned societal and personal factors, these problems troubling older generations can be addressed by developing advanced and personalized caregiving systems. With quality services and personnel, which demand a collective effort from both the government and community resources, there is a clear path forward.



OVERALL BAND SCORE 8.5 8+9+8+9

TR – Task Response nb – GRA and LR errors have not been corrected

Band score 8

A solution to the problem of loneliness is a difficult one and I can't think of any practical solutions. As for exercise, I wouldn't underestimate the value of education programmes – if people can be persuaded to wear masks and get vaccinated, they can be persuaded to get some exercise.

It is between an 8 and a 9 for TR.

You have a clear position throughout and all parts of the question are addressed.

Your position is coherent and well-argued.

The ideas are relevant, extended and there are no contradictions.

- sufficiently addresses all parts of the task
- presents a well-developed response to the question with relevant, extended and supported ideas

Band score 8 TR

ADVICE ON BRAINSTORMING FOR TASK 2

As you're planning and writing your answer, remember to constantly ask yourself if you're answering the question. Check back to the question a few times as you think of ideas to make sure they're directly relevant.

- Make sure your introduction directly addresses the question.
- Make sure your ideas address all parts of the question. If the question asks for **solutions**, in the plural, **you must suggest at**

**least 2.**

- Make sure your main ideas, as stated in the first sentence of the main body paragraphs, are **directly relevant to the question**.
- Make sure your supporting ideas, which follow the main ideas in the main body paragraphs, **directly support the main idea**.
- Be especially careful if you've answered similar question before, as there will always be important differences.
- Make sure your conclusion **directly answers the question**, that it is consistent with the ideas in the main bodies, and that it does not contradict the introduction.

Despite the majority of experts advising that regular physical activity and social interactions are beneficial to the elderly, many senior citizens experience a lack of both fitness and social engagement. This essay will examine the causes and propose solutions for this phenomenon.

There are several factors contributing to the issues of loneliness and insufficient physical activity among the elderly community. First, the former issue could result from the modern lifestyle, where young adults tend to move away and leave their retired parents to fend for themselves. Living apart from their loved ones can strain the relationship between family members, resulting in parents feeling marginalized. Regarding physical fitness, there could be problems stemming from insufficient sporting facilities appropriate for older age groups. In the absence of facilities catering specifically to their needs, older adults face a higher risk of getting injured when trying to keep up with younger people, which can discourage them from being active in the first place.

However, some measures can be taken to tackle these challenges facing the elderly. The most obvious solution would be for the government to subsidize community centers and nursing homes. More of these institutions, with better designed programs, could be more attractive to seniors and motivate them to engage in meaningful charity work or age-appropriate games, giving them a sense of purpose and a more

Commented [TG1]: Beneficial and necessary

Commented [TG2]: Ok introduction, but I'd always try to include the major ideas. See C&C

Commented [TG3]: Good main idea

Commented [TG4]: Ok but all they really need to do is walk, which requires no equipment at all.

Commented [TG5]: Relevant supporting ideas. Another problem which gets worse as they get older is that most of their friends will have died.

Commented [TG6]: A bit strange. You mean pumping iron? All they need to do is to walk, preferably at least 8,000 steps a day, depending on their age and physical condition. And perhaps repeatedly stand up and sit down on a chair.

Commented [TG7]: Good main idea



enjoyable life. Moreover, to promote physical activity among older adults, the government should allocate financial resources to fitness programs and spaces tailored to the elderly. These efforts could involve partnerships with the private sector and local authorities to make such services more accessible and affordable, encouraging seniors to stay active in comfortable and age-appropriate environments.

In conclusion, despite the aforementioned societal and personal factors, these problems troubling older generations can be addressed by developing advanced and personalized caregiving systems. With quality services and personnel, which demand a collective effort from both the government and community resources, there is a clear path forward.

Commented [TG8]: Relevant supporting ideas

Commented [TG9]: Perhaps education would be better.

I think the problem is that even though everyone knows that physical exercise is important, they don't understand how important it is, nor the consequences of being inactive.

Commented [TG10]: Good conclusion, consistent with the main ideas



C&C - Cohesion and Coherence nb GRA and LR errors have not been corrected

Band score 9

Excellent cohesion and coherence throughout, with no errors.

The sentences have a natural flow characteristic of high band score answers.

- uses cohesion in such a way that it attracts no attention
- skilfully manages paragraphing

Band score 9 C&C

PARAGRAPHING FOR TASK 2

I recommend you write 4 paragraphs as follows:

- Write an introduction, that explains **what the question is**. After reading the introduction, the reader should have a good idea what the essay is about, and **what your position (opinion) is**. It should be possible to write an introduction in under 50 words. It is not necessary to write a long background statement.
- Write 2 main body paragraphs. This should allow you to expand on the ideas sufficiently to persuade the examiner that you've fully supported the main ideas. If you write 3 main bodies, it is more difficult to expand and support them sufficiently to get a high score.
- If it's a two-part question, answer the questions in the order they're given and **write one paragraph per question**.
- **The main body paragraphs should be 100-120 words, and each**



paragraph should have a **clear topic sentence** and 2 or more supporting ideas which support the topic sentence with **reasons, evidence, and examples**. Do not waste time with lots of background information.

- The topic sentences should **directly address** the question.
- The conclusion should be consistent with the introduction and the main ideas, and it should not introduce new ideas. **It should directly answer the question. Do not leave the examiner in any doubt about whether you've answered the question.**
- If you write a third paragraph in a *discuss both sides* question to clarify your position, make sure that give a good reason to reject one of the sides. If you just restated the original ideas about one side, the examiner may decide you have covered one side more than the other.
- It is also ok to write a third body paragraph in a *to what extent* question if you have main ideas which both agree and disagree with the proposition. Avoid short paragraphs, with under 70 words, as it may be difficult to show a *clear central topic* in a short paragraph.

Despite the majority of experts advising that regular physical activity and social interactions are **both** beneficial **and necessary** to the elderly, many senior citizens experience a lack of both fitness and social engagement. This essay will examine the causes and propose solutions for this phenomenon.

There are several factors contributing to the issues of loneliness and insufficient physical activity among the elderly community. First, the former issue could result from the modern lifestyle, where young adults tend to move away and leave their retired parents to fend for themselves. Living apart from their loved ones can strain the relationship between family members, resulting in parents feeling marginalized.

Commented [TG11]: I'd rather not conceal my ideas in the introduction.

Children moving away and a lack of available facilities mean many old ppl are lonely and in poor physical condition. I believe the situation could be improved by making community centres and appropriate equipment available for older people.

Commented [TG12]: Good topic sentence

Commented [TG13]: Better without this



Regarding physical fitness, there could be problems stemming from insufficient sporting facilities appropriate for older age groups. In the absence of facilities catering specifically to their needs, older adults face a higher risk of getting injured when trying to keep up with younger people, which can discourage them from being active in the first place.

Commented [TG14]: Good

However, some measures can be taken to tackle these challenges facing the elderly. The most obvious solution would be for the government to subsidize community centers and nursing homes. More of these institutions, with better designed programs, could be more attractive to seniors and motivate them to engage in meaningful charity work or age-appropriate games, giving them a sense of purpose and a more enjoyable life. Moreover, to promote physical activity among older adults, the government should allocate financial resources to fitness programs and spaces tailored to the elderly. These efforts could involve partnerships with the private sector and local authorities to make such services more accessible and affordable, encouraging seniors to stay active in comfortable and age-appropriate environments.

Commented [TG15]: Good topic sentence

Commented [TG16]: *Subsidize and construct more*

Commented [TG17]: See GRA

In conclusion, despite the aforementioned societal and personal factors, these problems troubling older generations can be addressed by developing advanced and personalized caregiving systems. With quality services and personnel, which demand a collective effort from both the government and community resources, there is a clear path forward.

Commented [TG18]: Good

**LR- - Lexical resource nb Some GRA errors have not been corrected****Band score 9**

Vocabulary is used accurately with sufficient flexibility to show precise meaning, with a wide variety of vocabulary, used accurately and with a high level of control.

- uses a wide range of vocabulary with very natural and sophisticated control of lexical features; rare minor errors occur only as 'slips'

Band score 9 LR

Despite the majority of experts advising that regular physical activity and social interactions are beneficial to the elderly, many senior citizens experience a lack of both fitness and social engagement. This essay will examine the causes and propose solutions for this phenomenon.

There are several factors contributing to the issues of loneliness and insufficient physical activity among the elderly community. First, the former issue could result from the modern lifestyle, where young adults tend to move away and leave their retired parents to fend for themselves. Living apart from their loved ones can strain the relationship between family members, resulting in parents feeling marginalized. Regarding physical fitness, there could be problems stemming from insufficient sporting facilities appropriate for older age groups. In the absence of facilities catering specifically to their needs, older adults face a higher risk of getting injured when trying to keep up with younger people, which can discourage them from being active in the first place.

However, some measures can be taken to tackle these challenges facing the elderly. The most obvious solution would be for the government to subsidize community centers and nursing homes. More of these institutions, with better designed programs, could be more attractive to

Commented [TG19]: you could use *epidemics* here

Commented [TG20]: plural is more usual, without the article.

Commented [TG21]: Better: *there not being enough*



seniors and motivate them to engage in meaningful charity work or age-appropriate games, giving them a sense of purpose and a more enjoyable life. Moreover, to promote physical activity among older adults, the government should allocate financial resources to fitness programs and spaces tailored to the elderly. These efforts could involve partnerships with the private sector and local authorities to make such services more accessible and affordable, encouraging seniors to stay active in comfortable and age-appropriate environments.

In conclusion, despite the aforementioned societal and personal factors, these problems troubling older generations can be addressed by developing advanced and personalized caregiving systems. With quality services and personnel, which demand a collective effort from both the government and community resources, there is a clear path forward.

Commented [TG22]: Better:
appropriate facilities
Caregiving is something else altogether



GRA – Grammatical range and accuracy nb Some LR errors have not been corrected

Band score 9

Grammar is used accurately with a wide variety of structures, which should be good for a band score 9.

Punctuation is used correctly throughout.

Appropriate structures are used throughout.

Errors are rare and occur as minor slips.

- uses a wide range of structures with full flexibility and accuracy; rare minor errors occur only as 'slips'

Band score 9 GRA

Despite the majority of experts advising that regular physical activity and social interactions are beneficial to the elderly, many senior citizens experience a lack of both fitness and social engagement. This essay will examine the causes and propose solutions for this phenomenon.

There are several factors contributing to the issues of loneliness and insufficient physical activity among the elderly community. First, the former issue could result from the modern lifestyle, where young adults tend to move away and leave their retired parents to fend for themselves. Living apart from their loved ones can strain the relationship between family members, resulting in parents feeling marginalized. Regarding physical fitness, there could be problems stemming from insufficient sporting facilities appropriate for older age groups. In the absence of facilities catering specifically to their needs, older adults face a higher risk of getting injured when trying to keep up with younger people, which can discourage them from being active in the first place.



However, some measures can be taken to tackle these challenges facing the elderly. The most obvious solution would be for the government to subsidize community centers and nursing homes. Providing More of these institutions, with better designed programs, could be more attractive to seniors and motivate them to engage in meaningful charity work or age-appropriate games, giving them a sense of purpose and a more enjoyable life. Moreover, to promote physical activity among older adults, the government should allocate financial resources to fitness programs and spaces tailored to the elderly. These efforts could involve partnerships with the private sector and local authorities to make such services more accessible and affordable, encouraging seniors to stay active in comfortable and age-appropriate environments.

In conclusion, despite the aforementioned societal and personal factors, these problems troubling older generations can be addressed by developing advanced and personalized caregiving systems. With quality services and personnel, which demand a collective effort from both the government and community resources, there is a clear path forward.



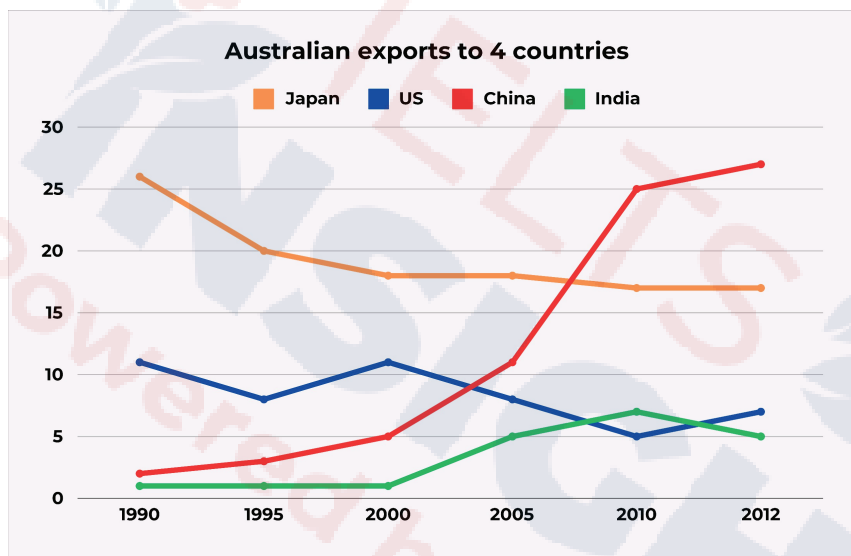
OVERALL BAND SCORE 8 8+8+9+8

[SEE BELOW C&C LR GRA](#)

[MODEL ANSWER](#)

WRITING TASK 1

The graph below shows the percentage of Australian exports to 4 countries from 1990 to 2012.





Your answer

The line graph illustrates how Australia exported its products to four countries, including Japan, the US, China, and India, between 1990 and 2012.

Overall, there was an increase in the proportion of Australian exports to India and China, with the most dramatic rise being seen in the latter, making it the largest export destination for Australia by the end of the period. In contrast, exports to the US and Japan experienced a decrease over the given timeframe.

Looking at the chart in more detail, in 1990, among the four destinations, India and China were the smallest export partners for Australia, with negligible figures of 1% and 2%, respectively. Thereafter, China's importance significantly increased over the period, as the percentage of exports to this country steadily rose to 5% by 2000, before surging more than fivefold to 27% in the final year. Likewise, India maintained a marginal presence in Australia's export market, at just 1% for the first decade, after which its share slightly increased, reaching a peak of 7% in 2010, before falling back to 5% two years later.

With regard to the remaining countries, in the first year, Japan was the leading destination shown for Australian goods, with more than a quarter of total exports going there, twice the figure for the US, at 11%. In the following years, the figures for Japan fell to 17%, and stayed unchanged in the two final years. Similarly, the share of Australian exports to the US underwent a downward fluctuation throughout the period, bottoming out at 5% in 2010 before a modest recovery to 7% by the end of the period.



OVERALL BAND SCORE **8** **8+8+9+8**

TA – Task Achievement nb – GRA and LR errors have not been corrected

Band score 8

You covered the requirements of the task.

All the key features and details are given clearly with sufficient detail and accuracy.

▪ covers all requirements of the task sufficiently

Band score 8 TA

▪ presents, highlights and illustrates key features/bullet points clearly and appropriately

Band score 8 TA

RECOMMENDED LAYOUT FOR TASK 1 ANSWERS

- Write an introduction paraphrasing the information provided. If possible, change the structure from a noun phrase to a noun clause (change *the chart gives information about the number of* to *the chart shows how many [...]*).
- Write a clear overview of the main trends, differences, and stages. If there are trends and differences (ie if there are changes over time), give some information about both. If there are only differences, as in questions with no time scale, provide differences of more than one type.
- Put the overview after the introduction in a separate paragraph. Don't hide it in the introduction or at the end, as it's the first thing the examiner looks for.
- Separate your paragraphs with blank lines. It looks better and there can be no doubt that it is a new paragraph.



- Write one or more paragraphs about the information itself and organise it logically. Use signposting phrases to show your organisation to the examiner. Eg *Looking first at the most popular reasons, [...]*
- It's not necessary to write a conclusion, because you've already given the information in an overview.

The line graph illustrates how Australia exported its products to four countries, **including** Japan, the US, China, and India, between 1990 and 2012.

Commented [TG1]: This is a bit imprecise
See LR

Overall, there was an increase in the proportion of Australian exports to India and China, with the most dramatic rise being seen in the latter, making it the largest export destination for Australia by the end of the period. In contrast, exports to the US and Japan experienced a decrease over the given timeframe.

Commented [TG2]: Clear overview

Looking at the chart in more detail, in 1990, among the four destinations, India and China were the smallest export partners for Australia, with negligible figures of 1% and 2%, respectively. Thereafter, China's importance significantly increased over the period, as the percentage of exports to this country steadily rose to 5% by 2000, **before surging more than fivefold to 27% over the next 12 years**. Likewise, India maintained a marginal presence in Australia's export market, at just 1% for the first decade, after which its share slightly increased, reaching a peak of 7% in 2010, before falling back to 5% two years later.

Deleted: in the final year

With regard to the remaining countries, in the first year, Japan was the leading destination shown for Australian goods, with more than a quarter of total exports going there, twice the figure for the US, at 11%. In the following years, the figures for Japan fell to 17%, and stayed unchanged in the two final years. Similarly, the share of Australian exports to the US underwent a downward fluctuation throughout the period, bottoming out at 5% in 2010 before a modest recovery to 7% by the end of the period.

Commented [TG3]: information is summarised accurately with minor areas of imprecision.



C&C - Cohesion and Coherence nb GRA and LR errors have not been corrected

Band score 8

The organisation is clear and logical.

- sequences information and ideas
- logically

Band score 8 C&C

The use of cohesive devices and referencing is accurate throughout.

- manages all aspects of cohesion well

Band score 8 C&C

- uses paragraphing sufficiently and appropriately

Band score 8 C&C

CORRECT USE OF *THE FIGURE*

Be careful with the use of the word figure. Technically, a figure cannot rise or fall.

Here are some correct uses. Note the prepositions

With regard to the university receiving the most applications, the NEU received the highest number from both men and women, **with figures of** 1,200 and 1,100 respectively

Nuclear power and hydro produced less, with respective **figures of** 15 and 5 units

Finally, both Sweden and Denmark saw falls in sales, with respective **figures of** €1 and €0.9 million.

With regard to food and drink, including tobacco products, both the Irish and Turks spent around 30% of their national expenditure on these products, **while the figures for Italy, Spain, and Sweden** stood at between 15% and 19%.

For more IELTS advice go to [Succeed in IELTS with Tony](#)

4 March 2024



As far as leisure and education are concerned, Turkish people spent the most on these services, at just under 5%, which was higher than in people in Sweden and Italy, **where the figures** were closer to 3%

Meanwhile, both rail and rail accounted for around 40MTA, **while the figure for** shipping by pipeline was just around 5MTA

With regard to commuting, on average man made 300 occasions, **while the figure for women** was around 225

Beef was the most popular meat in 1970, as nearly 220 grams was consumed by the typical person, and after that, ~~this figure~~ **consumption** declined steadily and [...]

Meanwhile, both rail and rail accounted for around 40MTA, while **the figure for shipping by pipeline** was just around 5MTA

Turning first to students' rating for the quality of teaching, 65 students rated it as good in 2000. **The level of satisfaction** fell to 63 in 2005 before ending the period higher at 69 in the last questionnaire.

In 2000, 32 gave it a good rating but **their approval** dropped to 30 in the second survey and a further decrease was seen in the last survey when it stood at 27

Deleted: This figure

Deleted: this figure

The line graph illustrates how Australia exported its products to four countries, **namely** Japan, the US, China, and India, between 1990 and 2012.

Overall, there was an increase in the proportion of Australian exports to India and China, with the most dramatic rise being seen in the latter, making it the largest export destination for Australia by the end of the period. In contrast, exports to the US and Japan experienced a decrease over the given timeframe.

Looking **at the chart in more detail**, in 1990, among the four destinations, India and China were the smallest export partners for Australia, with

Commented [TG5]: Including is for an incomplete list, and what you should give here is a full list

Commented [TG6]: More precise: *the proportions of Australian exports going to four countries, namely A, B, C, and D*

Deleted: including

Commented [TG7]: Better: *looking first at the I and C,*



negligible figures of 1% and 2%, respectively. Thereafter, China's importance significantly increased over the period, as the percentage of exports to this country steadily rose to 5% by 2000, before surging more than fivefold to 27% over the next 12 years. Likewise, India maintained a marginal presence in Australia's export market, at just 1% for the first decade, after which its share slightly increased, reaching a peak of 7% in 2010, before falling back to 5% two years later.

Deleted: in the final year

With regard to the remaining countries, in the first year, Japan was the leading destination shown for Australian goods, with more than a quarter of total exports going there, twice the figure for the US, at 11%. In the following years, the figures for Japan fell to 17%, and stayed unchanged in the two final years. Similarly, the share of Australian exports to the US underwent a downward fluctuation throughout the period, bottoming out at 5% in 2010 before a modest recovery to 7% by the end of the period.

Commented [TG8]: Better: *Japan's share*

**LR- - Lexical resource nb Some GRA errors have not been corrected.****Band score 9**

Vocabulary is used accurately with sufficient flexibility to show precise meaning, with a wide variety of vocabulary, used accurately and with a high level of control.

Errors are rare and occur as minor slips.

- uses a wide range of vocabulary with very natural and sophisticated control of lexical features; rare minor errors occur only as 'slips'

Band score 9 LR

The line graph illustrates how Australia exported its products to four countries, including Japan, the US, China, and India, between 1990 and 2012.

Overall, there was an increase in the proportion of Australian exports to India and China, with the most dramatic rise being seen in the latter, making it the largest export destination for Australia at the end of the period. In contrast, exports to the US and Japan experienced a decrease over the given timeframe.

Looking at the chart in more detail, in 1990, among the four destinations, India and China were the smallest export partners for Australia, with negligible figures of 1% and 2%, respectively. Thereafter, China's importance significantly increased over the period, as the percentage of exports to this country steadily rose to 5% by 2000, before surging more than fivefold to 27% in the final year. Likewise, India maintained a marginal presence in Australia's export market, at just 1% for the first decade, after which its share slightly increased, reaching a peak of 7% in 2010, before falling back to 5% two years later.

Commented [TG9]: Australian goods

Deleted: by



With regard to the remaining countries, in the first year, Japan was the leading destination shown for Australian goods, with more than a quarter of total exports going there, twice the figure for the US, at 11%. In the following years, the figures for Japan fell to 17%, and stayed unchanged in the two final years. Similarly, the share of Australian exports to the US underwent a downward fluctuation throughout the period, bottoming out at 5% in 2010 before a modest recovery to 7% at the end of the period.

Commented [TG10]: See C&C

Deleted: by



GRA - Grammatical range and accuracy **nb Some LR errors have not been corrected**

Band score 8

It is between an 8 and a 9 for GRA.

Grammar is used accurately with relatively few errors and a wide range of structures, which should be good for a band score 8.

- makes only very occasional errors or inappropriacies

Band score 8 GRA

- uses a wide range of structures

Band score 8 GRA

- the majority of sentences are error-free

Band score 8 GRA

The line graph illustrates how Australia exported its products to four countries, including Japan, the US, China, and India, between 1990 and 2012.

Overall, there was an increase in the proportion of Australian exports to India and China, with the most dramatic rise being seen in the latter, making it the largest export destination for Australia by the end of the period. In contrast, exports to the US and Japan experienced a decrease over the given timeframe.

Looking at the chart in more detail, in 1990, among the four destinations, India and China were the smallest export partners for Australia, with negligible figures of 1% and 2%, respectively. Thereafter, China's importance increased significantly over the period, as the percentage of exports to this country steadily had risen to 5% by 2000, before surging more than fivefold to 27% in the final year. Likewise, India maintained a marginal presence in Australia's export market, at just 1% for the first

Commented [TG11]: Or how the proportions of Australian exports to four countries changed from x to y.

Deleted: significantly

Deleted: rose



decade, after which its share increased slightly, reaching a peak of 7% in 2010, before falling back to 5% two years later.

Deleted: slightly

With regard to the remaining countries, in the first year, Japan was the leading destination shown for Australian goods, with more than a quarter of total exports going there, twice the figure for the US, at 11%. In the following years, the figures for Japan fell to 17%, and stayed unchanged in the two final years. Similarly, the share of Australian exports to the US underwent a downward fluctuation throughout the period, bottoming out at 5% in 2010 before a modest recovery to 7% by the end of the period.